



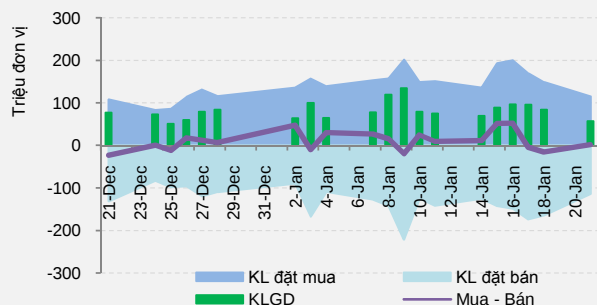
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/1/2013

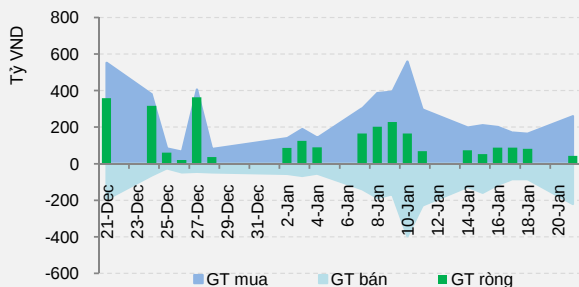
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	447.8	61.2
% Thay đổi	↓ -1.4%	↓ -1.4%
KLGD (CP)	57,427,982	58,088,005
GTGD (tỷ đồng)	829.26	394.80
Tổng cung (CP)	113,198,900	108,267,400
Tổng cầu (CP)	115,018,570	92,823,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,020,558	1,794,240
KL mua (CP)	9,131,518	713,600
GTmua (tỷ đồng)	260.63	7.54
GT bán (tỷ đồng)	218.59	17.22
GT ròng (tỷ đồng)	42.04	(9.69)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.17%	7.5	1.4	2.7%
Công nghiệp	↓ -0.76%	12.0	0.9	13.5%
Dầu khí	↓ -0.48%	5.4	1.0	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.03%	6.7	1.1	0.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.70%	6.2	2.0	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.43%	10.8	3.7	19.7%
Ngân hàng	↓ -1.34%	5.5	1.5	10.3%
Nguyên vật liệu	↓ -1.42%	6.6	2.0	11.8%
Tài chính	↓ -1.37%	26.8	3.1	32.7%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -2.00%	9.3	2.5	5.8%
VN - Index	↓ -1.40%	12.1	2.6	68.3%
HNX - Index	↓ -1.43%	13.2	1.4	31.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	673,780	-12.1%	3,519,390	43.6%
GTGD (triệu VND)	13,505	579.2%	123,126	1147.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau thời gian ngắn tăng nhẹ đầu phiên, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật của đường MA12, hai chỉ số Index quay trở lại diễn biến điều chỉnh giảm. Thị trường giảm điểm dần về cuối phiên với thanh khoản thấp cho thấy lực cầu bắt đáy còn thận trọng, dù áp lực cung giá thấp không quá lớn. Thị trường dự báo tiếp tục điều chỉnh giảm trong phiên giao dịch tới. Ngưỡng hỗ trợ của thị trường là khoảng 430 điểm đối với Vn-Index; 59 điểm đối với HNX-Index.

- Sau thời gian tăng nhẹ đầu phiên, VN-Index giảm điểm mạnh dần về cuối phiên. Kết thúc phiên, VN-Index giảm 6.37 điểm (1.4%), xuống 447.79 điểm. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 52.7 triệu đơn vị, giảm mạnh 34.25% so với phiên trước.

- Chỉ số HNX-Index tăng nhẹ đầu phiên, giảm điểm dần về cuối phiên. Tính chung, HNX-Index giảm 0.89 điểm (1.43%), xuống 61.16 điểm. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 57.4 triệu đơn vị, giảm 18.65% so với phiên trước và thấp hơn khá nhiều mức trung bình 21 phiên gần đây.

- Một số cổ phiếu khoáng sản, cổ phiếu tài chính, xây dựng, BĐS thị giá thấp duy trì mức tăng giá nhẹ. Còn lại đa số cổ phiếu giảm điểm trước áp lực cung. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn cũng có mức giảm giá khá mạnh.

- Theo đề án tái cơ cấu tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) giai đoạn năm 2012 - 2015, PVN phải cổ phần hóa và thoái vốn tại hàng loạt doanh nghiệp thành viên.

Cụ thể, PVN được nắm giữ 100% vốn tại Tổng công ty Thăm dò và khai thác dầu khí (PVEP), giữ nguyên tỷ lệ vốn hiện có tại các doanh nghiệp: PVD (50,38%); PVS (51%); Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (51%); Công ty TNHH Liên doanh Rusvietpetro (49%); Công ty TNHH Gaspromviet (49%); Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (25,1%) và Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn (18%). Còn lại, PVN sẽ thực hiện cổ phần hóa, giảm tỷ lệ vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp.

Một số doanh nghiệp niêm yết trên TTCK PVN cần thoái vốn là PVT, PVX, PVI, OGC, PVC, DPM, PVF... trong giai đoạn 2012-2015. Sau năm 2015, PVN sẽ thoái vốn tại PET và cổ phần hóa PV Oil.

- CPI tháng 1/2013 tại Hà Nội tăng 0.95%, Tp.HCM tăng 0.44% so với đầu năm. Nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép có mức tăng cao nhất trong tháng, tiếp theo là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống. Mức tăng CPI dưới 1% tại hai thành phố lớn là không cao, khi chỉ số giá thường tăng mạnh theo chu kỳ dịp Tết. Điểm lưu ý là mức tăng CPI tháng 1 của hai thành phố lớn chưa có sự điều chỉnh giá của nhóm hàng dịch vụ y tế.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 6.37 điểm (1.4%), xuống 447.79 điểm. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 52.7 triệu đơn vị, giảm mạnh 34.25% so với phiên trước.

- VN-Index xuất hiện tín hiệu spring vào đầu tháng 11/2012, test lại thành công tín hiệu này vào cuối tháng 11/2012, hình thành sóng tăng điểm, sau đó break qua nhiều mức kháng cự quan trọng: trendline ngắn hạn, trendline trung hạn, MA20 và MA50 với KLGD tăng.

- VN-Index tăng điểm break qua khu vực 400-405 điểm với khối lượng giao dịch tăng lên.

- VN-Index break qua đường MA200.

- Chỉ báo RSI tiến sâu vào khu vực overbought và phân kỳ với chỉ số VN-Index

- Mức kháng cự trung hạn của VN-Index là khu vực 470 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm nhẹ vào đầu phiên, tiếp nối diễn biến tích cực khi giảm đến mốc hỗ trợ của của đường MA12 và mức thoái 21.8% của dải Fibonacci Retracement. Đà phục hồi nhanh chóng chấm dứt khi lực cầu bắt đáy còn yếu.

VN-Index dự báo tiếp tục điều chỉnh giảm trong phiên giao dịch tới. Ngưỡng hỗ trợ của thị trường là khoảng 430 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.89 điểm (1.43%), xuống 61.16 điểm. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 57.4 triệu đơn vị, giảm 18.65% so với phiên trước và thấp hơn khá nhiều mức trung bình 21 phiên gần đây.

- HNX-Index break qua trendline trung hạn, break qua mức kháng cự của đường MA20 và tiếp tục break qua mức kháng cự 52.5 với khối lượng giao dịch tăng mạnh. Khối lượng giao dịch tăng mạnh trong các phiên break làm cho tín hiệu break tin cậy hơn và đây cũng là những tín hiệu kỹ thuật tích cực cho chỉ số HNX-Index

- Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 64.5 điểm.

- Chỉ báo RSI phân kỳ giảm với chỉ số HNX-Index.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ vào đầu phiên, tiếp nối diễn biến tích cực khi giảm đến mốc hỗ trợ của của đường MA12 và mức thoái 21.8% của dải Fibonacci Retracement. Đà phục hồi nhanh chóng chấm dứt khi lực cầu bắt đáy còn yếu.

HNX-Index dự báo tiếp tục điều chỉnh giảm trong phiên giao dịch tới. Ngưỡng hỗ trợ của thị trường là khoảng 59 điểm.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

Thị trường đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau diễn biến tăng nóng hơn 1 tháng vừa qua. Áp lực cung khá mạnh trong khi lực cầu bắt đáy còn hạn chế.

Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư có thể xem xét bán ra để giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Chúng tôi thống kê chỉ số tài chính của 10 mã cổ phiếu đã tăng điểm mạnh nhất giai đoạn tăng từ 28/11, 10 mã cổ phiếu có beta cao nhất, 10 cổ phiếu giảm giá mạnh nhất so với mốc đỉnh ngày 11/01/2013 để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT GIAI ĐOẠN TỪ 28/11/2012-NAY

Mã CK	LN QIII/2012	%Q3/Q2 2012	% 9 tháng yoy	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Biến động giá
PSG	-118	-266%	-1969%	-5,531	2,448	-14.11%	-88.13%	-0.34	16.38	2.24	0.78	122.22%
SHN	-24	65%	-576%	-5,673	3,285	-35.20%	-104.80%	-0.39	16.38	2.14	0.67	122.22%
S96	-2	-161%	61%	-4,428	7,653	-11.09%	-39.44%	-1.04	16.38	2.23	0.60	113.64%
GTT	1	-40%	141%	-367	10,368	-1.11%	-3.55%	-24.82	6.83	0.79	0.88	104.55%
STL	-31	#DIV/0!	-286%	-5,547	8,599	-1.59%	-47.89%	-0.96	31.21	2.42	0.62	100.00%
VIG	2	-92%	-230%	-2,984	6,332	-36.59%	-45.82%	-1.11	#N/A	2.26	0.52	100.00%
ORS	-1	-39%	-109%	-1,448	8,235	-4.01%	-17.79%	-2.07	#N/A	2.11	0.36	88.24%
THV	-83	12%	-16377%	-7,434	1,220	-20.23%	-194.69%	-0.19	11.21	2.35	1.15	87.50%
SBS	11	#DIV/0!	-602%	-3,802	-1,935	-22.21%	-145.71%	-0.66	#N/A	1.89	-1.29	84.62%
PVL	-6	-29472%	-8%	-522	10,465	-2.73%	-4.88%	-8.63	31.21	2.63	0.43	80.00%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ BETA CAO NHẤT

Mã CK	LN QIII/2012	%Q3/Q2 2012	% 9 tháng yoy	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
SDH	-5	-465%	-134%	-1,821	8,781	-5.86%	-18.10%	-2.36	1638%	2.48	0.49	164
PVL	-6	-29472%	-8%	-522	10,465	-2.73%	-4.88%	-8.63	3121%	2.63	0.43	26994%
SCR	5	-65%	16%	245	15,868	0.52%	1.51%	30.66	31.21	2.44	0.47	2,882
PSG	-118	-266%	-1969%	-5,531	2,448	-14.11%	-88.13%	-0.34	16.38	2.24	0.78	348
S96	-2	-161%	61%	-4,428	7,653	-11.09%	-39.44%	-1.04	1638%	2.23	0.60	2208%
BVH	279	8%	89%	2,122	17,297	3.23%	12.28%	20.50	14.71	2.15	2.51	160
SHS	-59	-525%	41%	-276	7,164	-2.03%	-3.65%	-22.47	#N/A	1.81	0.87	0
PFL	-2	38%	-121%	-134	10,380	-0.94%	-1.25%	-24.56	3121%	2.24	0.32	2
PVA	-1286%	#DIV/0!	-148%	-472	10,829	-0.34%	-3.04%	-14.40	1638%	2.41	0.63	25339%
SHN	-24	65%	-576%	-5,673	3,285	-35.20%	-104.80%	-0.39	16.38	2.14	0.67	6

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU GIẢM GIÁ MẠNH NHẤT SO VỚI ĐỈNH NGÀY 11/01/2013

Mã CK	LN QIII/2012	%Q3/Q2 2012	% 9 tháng yoy	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Biến động giá
HBE	1	1016%	103%	160	11,360	0.79%	1.44%	19.96	4.78	-0.74	0.28	-33.33%
VMC	3	-63%	-3%	3,525	31,610	2.21%	10.97%	3.69	16.38	-0.24	0.41	-27.78%
IFS	-1221%	-289%	-129%	-1,385	2,466	-7%	-65%	-8.96	11.21	0.17	5.03	-24.85%
CTX	3		188%	1,462	11,212	1.91%	12.66%	4.45	16.38	0.35	0.58	-24.42%
L62	0	196%	-98%	476	15,840	0.86%	2.94%	9.46	10.28	-0.48	0.28	-23.73%
KTS	0	-108%	-30%	5,105	23,479	15.20%	21.77%	3.57	11.21	0.06	0.78	-23.21%
L14	84%	-10%	-68%	1,090	12,179	1%	9%	3.67	16.38	0.02	0.33	-23.08%
KBT	2	6%	40%	2,061	12,122	11.35%	17.34%	5.58	16.38	-0.37	0.95	-22.30%
NHC	0	-33%	-71%	2,533	24,121	7.76%	10.11%	5.96	16.38	0.06	0.63	-20.53%
PIV	0		-100%	-675	8,891	-4.06%	-7.47%	-4.59	31.21	-0.07	0.35	-20.51%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

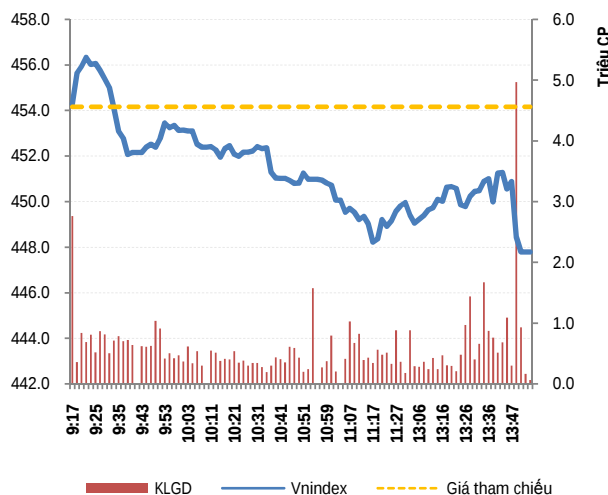
BV tính theo báo cáo tài chính quý 3, năm 2012

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 21/01/2013.



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

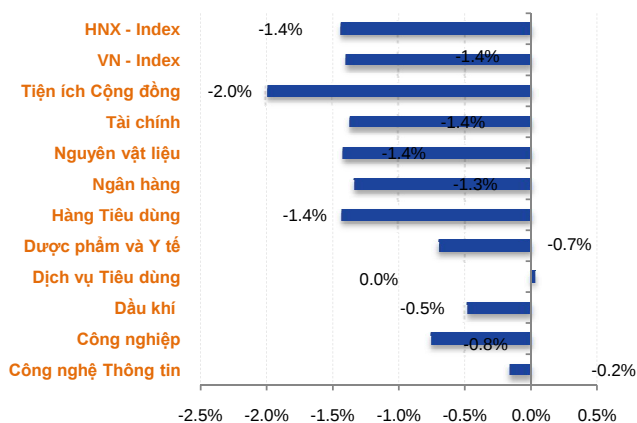
KLGD và VN-Index trong phiên



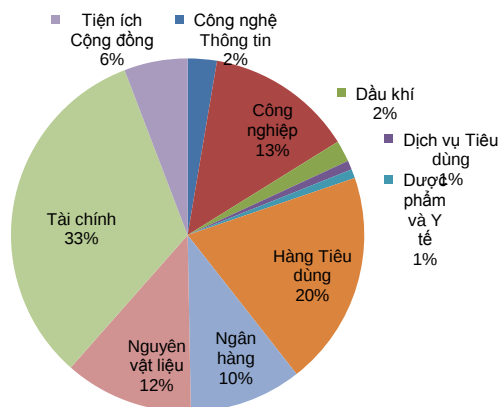
KLGD và HNX-Index trong phiên



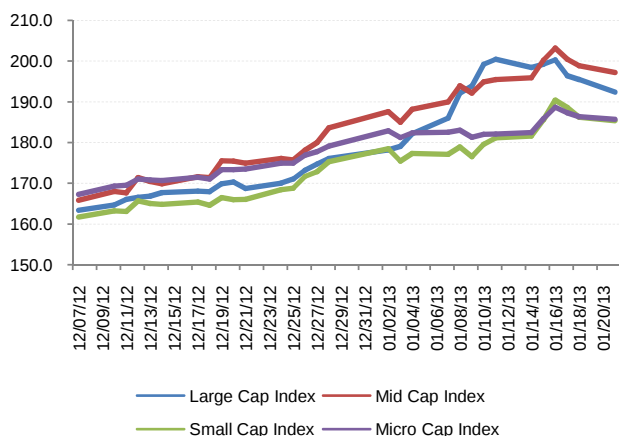
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



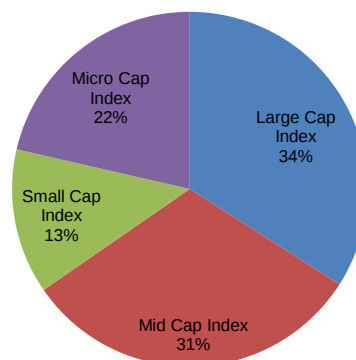
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	2,324,250	KBC	670,390
2	MBB	986,180	VSH	311,890
3	SSI	299,430	EIB	199,480
4	VFMVF4	284,480	HAG	129,250
5	GAS	144,000	SMA	126,250

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	153,500	VND	1,000,000
2	SHN	50,000	PVE	173,940
3	HOM	40,000	SCR	90,000
4	SHB	33,400	VCG	65,700
5	SHS	21,000	UNI	20,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.5	6.9	↑ 6.15%	6,048,220
KDC	46.6	44.0	↓ -5.58%	2,487,368
HQC	5.4	5.6	↑ 3.70%	2,327,200
MBB	14.1	14.0	↓ -0.71%	2,241,840
KBC	8.0	7.9	↓ -1.25%	2,052,750

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.8	6.7	↓ -1.47%	8,450,025
VND	10.0	9.8	↓ -2.00%	5,955,700
SHN	2.0	2.2	↑ 10.00%	5,581,000
SCR	7.4	7.5	↑ 1.35%	4,036,600
PVX	6.6	6.5	↓ -1.52%	3,953,385

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLG	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
MHC	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
CMX	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
FDG	10.7	11.4	0.7	↑ 6.54%
ATA	4.6	4.9	0.3	↑ 6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHA	10.8	13.9	3.1	↑ 28.70%
NPS	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
S55	21.0	23.1	2.1	↑ 10.00%
SHN	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VHH	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
VSG	1.2	1.1	-0.1	↓ -8.33%
VNA	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
TMS	24.7	23.0	-1.7	↓ -6.88%
CLP	8.8	8.2	-0.6	↓ -6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHL	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
PHS	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
SD7	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
SLS	27.0	24.3	-2.7	↓ -10.00%
VBC	35.3	31.8	-3.5	↓ -9.92%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,048,220	1.1%	145	47.6	0.5
KDC	2,487,368	8.4%	2,295	19.2	1.4
HQC	2,327,200	2.7%	337	16.6	0.4
MBB	2,241,840	22.1%	3,190	4.4	1.0
KBC	2,052,750	-4.1%	(614)	-	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	8,450,025	-16.0%	(2,047)	-	0.7
VND	5,955,700	7.2%	789	12.4	0.9
SHN	5,581,000	-104.8%	(5,673)	-	0.7
SCR	4,036,600	1.5%	245	30.7	0.5
PVX	3,953,385	-9.0%	(1,001)	-	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	↑ 6.9%	1.1%	174	44.2	0.4
MHC	↑ 6.9%	3.5%	252	12.3	0.4
CMX	↑ 6.8%	4.5%	569	8.3	0.4
FDG	↑ 6.5%	-39.4%	(4,471)	(2.5)	1.3
ATA	↑ 6.5%	5.9%	775	6.3	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SHA	↑ 28.7%	11.1%	1,146	12.1	1.3
NPS	↑ 10.0%	16.4%	2,791	4.3	0.7
S55	↑ 10.0%	14.2%	7,168	3.2	0.4
SHN	↑ 10.0%	-104.8%	(5,673)	(0.4)	0.7
VHH	↑ 10.0%	-3.3%	(346)	(9.5)	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	2,324,250	1.1%	145	47.6	0.5
MBB	986,180	22.1%	3,190	4.4	1.0
SSI	299,430	7.8%	1,136	15.7	1.2
VFMVF4	284,480	N/A	N/A	N/A	N/A
GAS	144,000	26.0%	4,692	8.7	2.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	153,500	25.2%	4,204	3.4	0.7
SHN	50,000	-104.8%	(5,673)	-	0.7
HOM	40,000	12.9%	1,628	3.6	0.5
SHB	33,400	-16.0%	(2,047)	-	0.7
SHS	21,000	4.0%	308	20.1	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	80,435	38.6%	6,254	15.4	3.8
GAS	77,127	26.0%	4,692	8.7	2.9
MSN	74,226	13.4%	3,619	29.8	4.9
VCB	72,072	10.8%	1,832	17.0	1.7
VIC	58,839	18.3%	2,404	34.9	6.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,410	18.5%	2,603	6.7	1.3
SQC	8,800	12.0%	1,388	57.6	6.6
PVS	6,477	25.2%	4,204	3.4	0.7
SHB	5,937	-16.0%	(2,047)	-	0.7
VCG	4,461	4.9%	541	18.7	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDM	3.65	-192.5%	(3,176)	-	(5.9)
VSG	3.16	-300.9%	(4,555)	-	(18.1)
PVF	3.04	5.0%	572	19.2	1.0
KBC	2.58	-4.1%	(614)	-	0.6
SBS	2.54	-145.7%	(3,802)	-	(1.3)

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	2.89	-88.1%	(5,531)	-	0.8
S96	2.63	-39.4%	(4,428)	-	0.6
SCR	2.59	1.5%	245	30.7	0.5
PVA	2.52	-3.0%	(472)	-	0.6
PVX	2.52	-9.0%	(1,001)	-	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation